UBND TỈNH HÀ TĨNH **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 324 /TB-STC	*Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 11 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc công khai tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (đến ngày 15/11/2026)

Thực hiện Công điện số 68/CĐ-TTg ngày 07/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 10868/UBND-TH5 ngày 21/10/2026 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính; trên cơ sở kết quả xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư do các đơn vị, địa phương cập nhật trên Phần mềm tổng hợp, theo dõi kết quả xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư; Sở Tài chính tổng hợp, công khai kết quả xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh đến ngày 15/11/2026 tại Phụ lục kèm theo Văn bản này.

Kết quả đến ngày 15/11/2026, toàn tỉnh đã hoàn thành xử lý, khai thác 487/595 cơ sở nhà, đất dôi dư (đạt 81,8%), tăng 75 cơ sở so với kỳ công khai ngày 09/11/2026; có 34/67 đơn vị, địa phương đã hoàn thành 100% (trong đó 15 đơn vị, địa phương mới hoàn thành trong kỳ). Tuy nhiên, còn 18 đơn vị, địa phương không có tiến triển so với kỳ báo cáo trước, gồm: Trung tâm PTQĐ tỉnh, xã Lộc Hà, xã Can Lộc, xã Tiên Điền, phường Trần Phú, xã Mai Phụ, xã Sơn Tiến, xã Thạch Hà, xã Việt Xuyên, xã Đan Hải, phường Hoành Sơn, xã Cổ Đạm, xã Hương Đô, phường Hải Ninh, xã Hương Bình, xã Kỳ Hoa, xã Thạch Xuân, xã Toàn Lưu; trong đó xã Cổ Đạm và phường Hải Ninh (chi tiết tại Phụ lục II).

Để đảm bảo mục tiêu hoàn thành việc xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư trong năm 2026, Sở Tài chính đề nghị các đơn vị, địa phương:

1. Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao tiếp tục tập trung, quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ khai thác, xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp bảo đảm tiến độ yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ[1] và UBND tỉnh[2]; tập trung hoàn thành việc bàn giao, tiếp nhận đối với các cơ sở nhà, đất đã có

---

1 Công điện số 68/CĐ-TTg ngày 07/10/2026.

[2] Công điện số 10/CĐ-UBND ngày 20/5/2026 và các Văn bản: số 5025/UBND-TH$_5$ ngày 01/6/2026, số 5153/UBND-TH$_5$ ngày 03/6/2026, số 6490/UBND-TH$_5$ ngày 04/7/2026, số 7033/UBND-TH$_5$ ngày 17/7/2026, số 7778/UBND-TH$_5$ ngày 06/8/2026, số 7883/UBND-TH^3 ngày 08/8/2026, số 8248/UBND-TH$_5$ ngày 18/8/2026, số 8907/UBND-TH$_5$ ngày 05/9/2026, số 9248/UBND-TH$_5$ ngày 14/9/2026, số 9503/UBND-TH$_5$ ngày 19/9/2026, số 9599/UBND-TH$_5$ ngày 22/9/2026, số 9849/UBND-TH ngày 28/9/2026, số 10646/UBND-KT1 ngày 16/10/2026; số 11487/UBND-TH$_5$ ngày 05/11/2026; Văn bản số 11582/UBND-TH$_5$ ngày 06/11/2026 và các văn bản có liên quan.

quyết định chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý; khẩn trương xây dựng, hoàn thiện phương án xử lý, khai thác đối với các cơ sở chưa có phương án được phê duyệt. Đồng thời rà soát tính khả thi của các phương án đã được phê duyệt, kịp thời đề xuất điều chỉnh phương án đối với các cơ sở gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, bảo đảm sớm đưa tài sản vào khai thác, sử dụng hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí.

2. Thường xuyên rà soát, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời tiến độ và kết quả xử lý, khai thác các cơ sở nhà, đất dôi dư thuộc phạm vi quản lý trên Phần mềm theo dõi, tổng hợp nhà, đất dôi dư của Bộ Tài chính, bảo đảm số liệu thống nhất với tình hình thực tế, phục vụ công tác tổng hợp, công khai và chỉ đạo, điều hành của cấp có thẩm quyền.

Đề nghị các đơn vị, địa phương quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ (để biết);
- Trung tâm TT&XT, HTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Trung tâm PT Quỹ đất;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Giám đốc Sở (B/c);
- Văn phòng Sở (để đăng tải);
- Lưu: VT, GCS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH HÀ TĨNH

Thiều Đình Long

PHỤ LỤC I
CÔNG KHAI TIẾN ĐỘ XỬ LÝ, KHAI THÁC NHÀ, ĐẤT DÔI DƯ THEO TỪNG ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
(Đến ngày 15/11/2026)

STT	Địa phương, đơn vị	Tổng số nhà, đất dôi dư phải xử lý	Số cơ sở nhà, đất đã hoàn thành xử lý, khai thác	Số cơ sở nhà, đất chưa hoàn thành xử lý, khai thác	ĐÁNH GIÁ	
					Tỷ lệ đã hoàn thành (%)	Đánh giá
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(4)/(3)	(7)
	TỔNG CỘNG	**595**	**487**	**108**	**81,8%**	**Tiến độ chung**
1	Xã Đức Thịnh	13	13	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
2	Xã Đức Quang	10	10	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
3	Xã Đức Đồng	1	1	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
4	Xã Hương Khê	19	19	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
5	Xã Hương Phố	3	3	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
6	Xã Hương Xuân	2	2	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
7	Xã Hà Linh	5	5	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
8	Xã Phúc Trạch	4	4	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
9	Xã Đồng Lộc	11	11	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
10	Xã Gia Hanh	9	9	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
11	Xã Trường Lưu	3	3	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
12	Xã Tùng Lộc	3	3	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
13	Xã Hồng Lộc	1	1	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
14	Xã Đông Kinh	2	2	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
15	Xã Sơn Tây	9	9	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
16	Xã Sơn Hồng	4	4	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
17	Xã Cẩm Bình	3	3	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
18	Phường Hà Huy Tập	8	8	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
19	Xã Thạch Khê	9	9	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung

STT	Địa phương, đơn vị	Tổng số nhà, đất dôi dư phải xử lý	Số cơ sở nhà, đất đã hoàn thành xử lý, khai thác	Số cơ sở nhà, đất chưa hoàn thành xử lý, khai thác	ĐÁNH GIÁ	
					Tỷ lệ đã hoàn thành (%)	Đánh giá
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(4)/(3)	(7)
20	Thạch Lạc	1	1	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
21	Đồng Tiến	1	1	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
22	Xã Yên Hoà	5	5	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
23	Xã Cẩm Duệ	2	2	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
24	Xã Cẩm Hưng	4	4	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
25	Xã Cẩm Lạc	3	3	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
26	Xã Cẩm Trung	3	3	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
27	Phường Vũng Áng	2	2	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
28	Mai Hoa	1	1	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
29	Thượng Đức	1	1	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
30	Phường Nam Hồng Lĩnh	10	10	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
31	Xã Kỳ Xuân	9	9	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
32	Xã Kỳ Lạc	3	3	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
33	Xã Kỳ Khang	5	5	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
34	Xã Kỳ Văn	3	3	0	100,0%	Cao hơn tiến độ chung
35	Phường Bắc Hồng Lĩnh	23	22	1	95,7%	Cao hơn tiến độ chung
36	Xã Sơn Giang	8	7	1	87,5%	Cao hơn tiến độ chung
37	Xã Nghi Xuân	15	13	2	86,7%	Cao hơn tiến độ chung
38	Xã Tiên Điền	27	23	4	85,2%	Cao hơn tiến độ chung
39	Xã Tứ Mỹ	24	20	4	83,3%	Cao hơn tiến độ chung
40	Xã Thiên Cầm	6	5	1	83,3%	Cao hơn tiến độ chung
41	Xã Hương Sơn	17	14	3	82,4%	Cao hơn tiến độ chung

STT	Địa phương, đơn vị	Tổng số nhà, đất dôi dư phải xử lý	Số cơ sở nhà, đất đã hoàn thành xử lý, khai thác	Số cơ sở nhà, đất chưa hoàn thành xử lý, khai thác	ĐÁNH GIÁ	
					Tỷ lệ đã hoàn thành (%)	Đánh giá
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(4)/(3)	(7)
42	Phường Sông Trí	16	13	3	81,3%	Thấp hơn tiến độ chung
43	Xã Hương Bình	5	4	1	80,0%	Thấp hơn tiến độ chung
44	Xã Đức Thọ	28	22	6	78,6%	Thấp hơn tiến độ chung
45	Phường Thành Sen	27	21	6	77,8%	Thấp hơn tiến độ chung
46	Xã Thạch Hà	13	10	3	76,9%	Thấp hơn tiến độ chung
47	Xã Can Lộc	24	18	6	75,0%	Thấp hơn tiến độ chung
48	Xã Sơn Tiến	12	9	3	75,0%	Thấp hơn tiến độ chung
49	Xã Kỳ Anh	8	6	2	75,0%	Thấp hơn tiến độ chung
50	Xã Cẩm Xuyên	23	17	6	73,9%	Thấp hơn tiến độ chung
51	Xã Đức Minh	7	5	2	71,4%	Thấp hơn tiến độ chung
52	Xã Hương Đô	7	5	2	71,4%	Thấp hơn tiến độ chung
53	Xã Vũ Quang	29	20	9	69,0%	Thấp hơn tiến độ chung
54	Xã Xuân Lộc	6	4	2	66,7%	Thấp hơn tiến độ chung
55	Xã Toàn Lưu	3	2	1	66,7%	Thấp hơn tiến độ chung
56	Xã Kim Hoa	9	6	3	66,7%	Thấp hơn tiến độ chung
57	Trung tâm PTQĐ tỉnh	27	18	9	66,7%	Thấp hơn tiến độ chung
58	Xã Mai Phụ	8	5	3	62,5%	Thấp hơn tiến độ chung
59	Xã Đan Hải	8	5	3	62,5%	Thấp hơn tiến độ chung
60	Phường Hoành Sơn	5	3	2	60,0%	Thấp hơn tiến độ chung
61	Phường Trần Phú	7	4	3	57,1%	Thấp hơn tiến độ chung
62	Xã Lộc Hà	19	10	9	52,6%	Thấp hơn tiến độ chung
63	Xã Thạch Xuân	2	1	1	50,0%	Thấp hơn tiến độ chung
64	Xã Kỳ Hoa	2	1	1	50,0%	Thấp hơn tiến độ chung
65	Xã Việt Xuyên	5	2	3	40,0%	Thấp hơn tiến độ chung

STT	Địa phương, đơn vị	Tổng số nhà, đất dôi dư phải xử lý	Số cơ sở nhà, đất đã hoàn thành xử lý, khai thác	Số cơ sở nhà, đất chưa hoàn thành xử lý, khai thác	ĐÁNH GIÁ	
					Tỷ lệ đã hoàn thành (%)	Đánh giá
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(4)/(3)	(7)
66	Xã Cổ Đạm	2	0	2	0,0%	Thấp hơn tiến độ chung
67	Phường Hải Ninh	1	0	1	0,0%	Thấp hơn tiến độ chung

(Các xã: Kỳ Thượng, Sơn Kim 1 và Sơn Kim 2 không phát sinh cơ sở nhà, đất dôi dư phải xử lý, khai thác).

PHỤ LỤC II
TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ TIẾN ĐỘ XỬ LÝ, KHAI THÁC NHÀ, ĐẤT DÔI DƯ SO VỚI KỲ BÁO CÁO TRƯỚC

A. Kết quả xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư so với kỳ báo cáo trước

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo ngày 09/11/2026	Kỳ báo cáo ngày 15/11/2026	Tăng/giảm so với kỳ trước
Tổng số cơ sở	591	595	+4
Đã hoàn thành	412	487	+75
Chưa hoàn thành	179	108	-71
Tỷ lệ hoàn thành	69,7%	81,8%	Tăng 12,1%

B. Các đơn vị, địa phương không có tiến triển về kết quả xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư so với kỳ báo cáo trước

STT	Địa phương	Tổng số nhà, đất cần xử lý	Tổng nhà, đất đã xử lý	Tổng còn phải xử lý
1	Trung tâm PTQĐ tỉnh	27	18	9
2	Xã Lộc Hà	19	10	9
3	Xã Can Lộc	24	18	6
4	Xã Tiên Điền	27	23	4
5	Phường Trần Phú	7	4	3
6	Xã Mai Phụ	8	5	3
7	Xã Sơn Tiến	12	9	3
8	Xã Thạch Hà	13	10	3
9	Xã Việt Xuyên	5	2	3
10	Xã Đan Hải	8	5	3

STT	Địa phương	Tổng số nhà, đất cần xử lý	Tổng nhà, đất đã xử lý	Tổng còn phải xử lý
11	Phường Hoành Sơn	5	3	2
12	Xã Cổ Đạm	2	0	2
13	Xã Hương Đô	7	5	2
14	Phường Hải Ninh	1	0	1
15	Xã Hương Bình	5	4	1
16	Xã Kỳ Hoa	2	1	1
17	Xã Thạch Xuân	2	1	1
18	Xã Toàn Lưu	3	2	1

C. Danh sách các đơn vị, địa phương có phát sinh kết quả xử lý mới so với kỳ báo cáo trước

STT	Đơn vị, địa phương	Đã xử lý đến ngày 09/11	Đã xử lý đến ngày 15/11	Tăng so với kỳ trước
1	Phường Bắc Hồng Lĩnh	14	22	+8
2	Xã Tứ Mỹ	14	20	+6
3	Xã Cẩm Xuyên	12	17	+5
4	Xã Nghi Xuân	9	13	+4
5	Xã Xuân Lộc	0	4	+4
6	Xã Yên Hoà	1	5	+4
7	Xã Hương Khê	16	19	+3
8	Xã Hương Sơn	11	14	+3
9	Xã Thạch Khê	6	9	+3
10	Xã Vũ Quang	17	20	+3
11	Xã Đức Thịnh	10	13	+3
12	Phường Nam Hồng Lĩnh	8	10	+2
13	Phường Sông Trí	11	13	+2

STT	Đơn vị, địa phương	Đã xử lý đến ngày 09/11	Đã xử lý đến ngày 15/11	Tăng so với kỳ trước
14	Phường Thành Sen	19	21	+2
15	Xã Cẩm Hưng	2	4	+2
16	Xã Kỳ Anh	4	6	+2
17	Xã Kỳ Khang	3	5	+2
18	Xã Đức Minh	3	5	+2
19	Xã Đức Quang	8	10	+2
20	Xã Đức Thọ	20	22	+2
21	Phường Hà Huy Tập	7	8	+1
22	Xã Cẩm Bình	2	3	+1
23	Xã Gia Hanh	8	9	+1
24	Xã Kim Hoa	5	6	+1
25	Xã Kỳ Văn	2	3	+1
26	Xã Kỳ Xuân	8	9	+1
27	Xã Sơn Giang	6	7	+1
28	Xã Sơn Hồng	3	4	+1
29	Xã Thiên Cầm	4	5	+1
30	Xã Trường Lưu	2	3	+1
31	Xã Đồng Lộc	10	11	+1
	TỔNG			**+75**